

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/DS-PT

Ngày 09 – 01 – 2023

V/v tranh chấp hợp đồng cổ đất, thực hiện
nghĩa vụ tài chính do người chết để lại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Nguyễn Trọng Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 303/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng cổ đất, thực hiện nghĩa vụ tài chính do người chết để lại.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 231/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Hữu L1, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Quách Trọng P, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh C (Giấy ủy quyền ngày 16/6/2022) (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D1: Ông Hồ Minh Th, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: xã T, huyện H, thành phố H(Giấy ủy quyền ngày 23 tháng 12 năm 2022) (có mặt).

2. Bà Biện Thị T, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Quang Thị R, sinh năm 1950 (có mặt);

2. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1949;

Người đại diện theo ủy quyền của Bà N1: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1984 (có mặt);

3. Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C.

4. Ông Đỗ Văn L2, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh C. (có mặt)

5. Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 176, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh B ..

6. Bà Nguyễn Thị Thúy C, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 188/70 đường Bé Văn Đàn, phường A, quận N, thành phố C ..

7. Bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, thành phố T, tỉnh B.

8. Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Tr – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện T, tỉnh C. (Theo Quyết định ủy quyền số: 2965/QĐ-NHN0-PC ngày 27/12/2019 của Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng N).

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh C (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn D1 là bị đơn, bà Nguyễn Thị D3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Ông L1 nhận cổ đất của ông Ngọc 03 lần 09 công đất tầm lớn với giá 30 chỉ vàng 24k, cụ thể: Ngày 13/9/2005 (âl) nhận cổ 01 công đất với giá 03 chỉ vàng 24k; ngày 08/10/2005 (âl) nhận cổ 01 công với giá 03 chỉ vàng 24k; ngày 30/02/2006 (âl) nhận cổ 07 công với giá 24 chỉ vàng 24k (07 công đất này chuộc từ bà Lê Thị N1). Năm 2006, ông L1 cho ông Ngọc thuê lại toàn bộ phần đất với giá 15 giá lúa/công.

Ngoài ra, ông Ngọc còn hỏi vay của ông nhiều lần với tổng số vàng 114 chỉ vàng 24k. Việc vay vàng có biên nhận. Đến ngày 21/9/2013(dl), giữa ông và ông Ngọc làm tờ giao kèo do bà Quang Thị R viết với nội dung là ông có cổ của ông Ngọc 10 công đất với giá 144 chỉ vàng 24k, với thời hạn cổ là 02 năm, nếu không chuộc lại đất thì phải giao đất cho ông quản lý, canh tác và định đoạt. Tờ giao kèo có nội dung đến thời hạn chuộc đất ông Ngọc không có đủ 14,4 cây vàng 24k để chuộc lại đất thì cũng phải trả cho ông 07 cây 02 chỉ vàng 24k, ông vẫn để lại đất

cho ông Ngọc quản lý và sử dụng, còn số vàng còn lại thì phải trả lãi cho ông. Sau khi làm giấy giao kèo cố đất thì không có cho thuê lại đất, mà chỉ cho thời hạn 02 năm để chuộc lại và giữa ông L1 và ông Ngọc không có xác định vị trí đất cố ở đâu và cũng không có giao đất tại thực địa, từ trước đến giờ ông L1 không có trực tiếp quản lý phần đất cố nào của ông Ngọc. Từ khi lập tờ giao kèo trên, ông Ngọc không có trả cho ông khoản vốn, lãi. Sau khi ông Ngọc chết thì ông Nguyễn Văn D1 là con ông Ngọc trực tiếp quản lý và sử dụng toàn bộ phần đất ông Ngọc chết để lại.

Nay ông L1 yêu cầu Tòa án buộc ông D1, ông O, ông D2, bà C, bà D3 trả cho ông 144 chỉ vàng 24k. Rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông D1 bồi thường thiệt hại 45.000.000 đồng do không giao đất từ năm 2019.

Bị đơn, ông Nguyễn Văn D1 trình bày:

Cha ông là ông Nguyễn Văn Ngọc (chết năm 2018) và mẹ ông là bà Hồ Thị Ngờ (chết năm 1989). Ông bà nội, ông bà ngoại của ông đều đã chết. Ông Ngọc và bà Ngờ có 05 người con tên Nguyễn Văn O, Nguyễn Văn D2, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Thị Thúy C, Nguyễn Thị D3. Ông Ngọc chết có để lại di sản tổng cộng hơn 21.000 m² đất tọa lạc ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C .. Ngoài phần đất, ông Ngọc không còn di sản nào khác. Khi còn sống, ông Ngọc có thể chấp toàn bộ phần đất cho Ngân hàng để vay tiền, hiện nay còn nợ 220.000.000 đồng chưa thanh toán. Ngoài ra, ông Ngọc có cố đất cho ông Đỗ Văn L2 khoảng 04 đến 06 công và cố cho bà Lê Thị N1 nhưng không biết bao nhiêu công. Hiện nay, bà N1 vẫn đang canh tác 02 công đất. Ông Ngọc không có lập di chúc để phân chia đất và di sản trên cũng chưa có phân chia. Ông là người trực tiếp quản lý toàn bộ di sản hơn 21.000 m² đất ông Ngọc để lại. Ông và anh chị em ông đều không biết việc ông Ngọc cố đất cho ông L1. Nếu chứng minh được ông Ngọc có cố đất cho ông L1 thì ông cùng tất cả anh chị em có nghĩa vụ trả trong phạm vi giá trị di sản của ông Ngọc chết để lại. Ông không yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà Quang Thị R tại tờ giao kèo, vì lời làm chứng của bà R là không khách quan, nếu giám định đúng chữ ký và chữ viết của bà R thì cũng không chứng minh được gì.

Ông không đồng ý trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Quang Thị R trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Ngọc là vợ chồng chấp nối sống chung với nhau từ năm 2005 (không có đăng ký kết hôn). Quá trình chung sống, bà có biết ông Ngọc có cố đất cho bà Lê Thị N1, sau đó lấy đất lại cố cho ông Đỗ Hữu L1, đồng thời ông Ngọc có hỏi vay vàng nhiều lần của ông L1. Các biên nhận do ông L1 cung cấp có bà ký tên là do ông Ngọc hỏi vàng của ông L1, nhờ bà lấy vàng dùm, khi nhận vàng thì ông L1 yêu cầu bà ký nhận. Các lần nhận vàng trên, bà đem về đưa trực tiếp cho ông Ngọc. Mục đích ông Ngọc hỏi vàng là để trị bệnh và trả nợ người khác. Tổng số vàng vay và vàng cố đất ông Ngọc cố cho ông L1 thì bà không biết, nhưng khi ông Ngọc còn sống thì năm 2013 ông Ngọc có nhờ bà viết dùm “tờ giao kèo” với ông L1, nội dung tờ giao kèo là cố đất, còn việc tổng lại cố bao nhiêu đất và bao nhiêu vàng thì bà không nhớ. Cuối tờ giao kèo, đoạn ghi ngày tháng năm và chữ viết họ tên tại tờ giao kèo không phải do bà viết. Ông Ngọc và ông L1 có cùng nhau ký tên

vào tờ giao kèo, có bà chứng kiến.

Bà xác định bà không phải là vợ hợp pháp của ông Ngọc, không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngọc, nên không có liên quan gì trong vụ án và cũng không có yêu cầu gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N1 trình bày:

Trước đây, ông Nguyễn Văn Ngọc có cho bà 07 công đất tầm lớn với giá 24 chỉ vàng 24k, sau khi cô đất thì bà trực tiếp quản lý và sử dụng phần đất đó; đến thời hạn chuộc lại đất, ông Ngọc không có vàng chuộc lại nên giáp mặt ba bên gồm có ông L1, ông Ngọc và bà: Ông Ngọc cho ông L1, và ông L1 trực tiếp trả lại cho bà 24 chỉ vàng 24k. Hiện nay, bà không còn sử dụng phần đất đó của ông Ngọc, nhưng còn quản lý và sử dụng 02 công đất nhận chuyển nhượng của ông Ngọc và nằm ngoài 07 công đất cô trước đó.

Việc tranh chấp giữa ông L1 với ông D1 không có liên quan đến quyền lợi của bà. Bà không có ý yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn L2 trình bày:

Ông L2 có nhận cô đất của ông Ngọc nhiều lần. Đến năm 2010, ông L2 đã nhận cô của ông Ngọc tổng cộng 06 công đất với giá 30 chỉ vàng 24k, và cho ông D1 thuê lại để canh tác, không có xác định vị trí phần đất cụ thể ngoài thực địa. Ông không yêu cầu gì trong vụ án này. Ông L2 có biết ông L1 có nhận cô đất của ông Ngọc và có cho ông Ngọc vay vàng, còn nội dung cụ thể như thế nào thì ông không biết.

Ngân hàng có ý kiến trình bày tại Văn bản số: 61/NHNoTVT-TH ngày 24/02/2022 với nội dung:

Ông Nguyễn Văn Ngọc có vay vốn tại Ngân hàng, tính đến ngày 25/02/2022 số tiền còn nợ 336.134.208 đồng (Trong đó, nợ gốc 220.000.000 đồng, nợ lãi 116.134.208 đồng). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: D 0819841 do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cấp ngày 26/02/1996 cho ông Nguyễn Văn Ngọc, sinh năm 1947 – Địa chỉ: Ấp Kinh Dón, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau với tổng diện tích đất 21.504,8 m². Ngân hàng yêu cầu Tòa án xem xét theo hướng người vay có trách nhiệm trả hết nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng.

Tại công văn số: 209/CV-PC09 ngày 24/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau về việc từ chối giám định, thể hiện:

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đọc được “ngọc” dưới cụm từ “Ngày 21/Tháng 09 năm 2013 dl Tờ giao kèo hai bên đồng ý ký Tên” trên “Tờ giao kèo” ngày 21/9/2013dl (Ký hiệu A) so với chữ ký đọc được “ngọc” trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M6) có phải do cùng một người ký ra hay không.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 231/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Tuyên bố giao dịch cầm cố được xác lập tại “Tờ giao kèo ngày 21/9/2013” giữa ông Đỗ Hữu L1 với ông Nguyễn Văn Ngọc (đã chết) là vô hiệu.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hữu L1.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn O, ông Nguyễn Văn D2, bà Nguyễn Thị Thúy C, bà Nguyễn Thị D3 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông Nguyễn Văn Ngọc, trả cho nguyên đơn ông Đỗ Hữu L1 144 (một trăm bốn mươi bốn) chỉ vàng 24k (*Việc thực hiện nghĩa vụ tài sản 144 chỉ vàng 24k, được thực hiện trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn Ngọc để lại*).

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Hữu L1 đối với khoản tiền bồi thường 45.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, ông Nguyễn Văn D1 có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 07 tháng 10 năm 2022, bà Nguyễn Thị D3 có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị D3 và ông Nguyễn Văn D1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của ông D1 tranh luận:

Nguyên đơn trình bày có nhận cầm cố đất của ông Ngọc nhưng không có nhận đất. Tờ giao kèo do bà R viết nhưng ông Ngọc không có ký tên thể hiện tại công văn số 209 của Công an tỉnh Cà Mau trả lời không đủ cơ sở kết luận chữ ký trong tờ giao kèo ngày 21 tháng 9 năm 2013 là của ông Ngọc. Ông D1 không thừa nhận chữ ký trong các biên nhận vay vàng là của ông Ngọc. Bà N1 có làm tờ xác nhận có nhận 24 chỉ vàng từ ông L1 để chuyển giao 07 công đất cố cho ông L1 chỉ là xác nhận lại nên không có cơ sở. Do đó, nguyên đơn cho rằng ông Ngọc có nhận 144 chỉ vàng 24k là không có cơ sở. Hơn nữa, trong các biên nhận vay vàng có nhiều biên nhận do bà R ký tên nhận vàng nhưng bà R không chứng minh được có giao vàng lại cho ông Ngọc không. Ông L2 là anh ruột của ông L1 nên trình bày của ông L2 là không khách quan. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Bà Quang Thị R tranh luận: Ông Ngọc cố đất và vay vàng về trị bệnh và trả nợ. Bà nhận xong về có đưa vàng lại cho ông Ngọc.

Bà Nguyễn Thị Lan tranh luận: Không tranh luận.

Bà Nguyễn Thị D3 tranh luận: Không tranh luận.

Ông Đỗ Văn L2 tranh luận: Việc ông nhận cố đất của ông Ngọc được ông D1 thừa nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D3 và ông Nguyễn Văn D1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 231/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị D3 và ông Nguyễn Văn D1, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn Ngọc và ông Nguyễn Văn D1 có tờ giao kèo cổ đất ngày 21 tháng 9 năm 2013 (BL7) với nội dung: Ông Ngọc có cho ông Đỗ Hữu L1 10 công đất tầm lớn với giá 14,4 lượng vàng 24k. Việc cổ đất không có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền. Nguyên đơn thừa nhận việc cổ đất ngày 21 tháng 9 năm 2013 chỉ là tổng hợp các biên nhận vay và thế chấp quyền sử dụng đất trước đó. Khi cổ đất, ông L1 không có giao số vàng 14,4 lượng vàng 24k cho ông Ngọc và ông D1 cũng không có nhận đất cổ của ông Ngọc. Án sơ thẩm tuyên, giao dịch cầm cố được xác lập tại “Tờ giao kèo ngày 21/9/2013” giữa ông L1 với ông Ngọc vô hiệu là có căn cứ.

[2] Nguyên đơn thừa nhận, khi lập tờ giao kèo cổ đất ngày 21 tháng 9 năm 2013, nguyên đơn không có giao nhận 14,4 lượng vàng 24k, mà số vàng ghi trong tờ giao kèo là tổng hợp các khoản nợ do ông Ngọc thiếu ông L1 trước đó. Tại Công văn số: 209/CV-PC09 ngày 24/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau về việc từ chối giám định, thể hiện: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký độc được “ngọc” dưới cụm từ “Ngày 21/Tháng 09 năm 2013dl, Tờ giao kèo hai bên đồng ý ký Tên” trên “Tờ giao kèo” ngày 21/9/2013 dl (Ký hiệu A) so với chữ ký “ngọc” trên các tài liệu mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M6) có phải do cùng một người ký ra hay không. Do đó, không thể buộc những người thừa kế của ông Ngọc trả 14,4 lượng vàng 24 k theo Tờ giao kèo ngày 21/9/2013.

[3] Các biên nhận (BL 85-96) ông L1 cung cấp cho Tòa án có thể hiện việc ông L1 cho ông Ngọc vay cả vàng và tiền, có quy định lãi suất. Ngoài ra, tổng số vàng và tiền tại các biên nhận cộng lại không khớp với số vàng 14,4 lượng tại tờ giao kèo ngày 21 tháng 9 năm 2013 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ điều này. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu giám định chữ ký của ông Ngọc tại tất cả các biên nhận vay vàng do ông L1 cung cấp (Bl 85-96) để xác định có phải là chữ ký của ông Ngọc không là cần thiết cho việc giải quyết vụ án.

[4] Các giao dịch giữa ông Ngọc với ông L1 phát sinh trong thời gian bà Quang Thị R với ông Ngọc sống chung như vợ chồng. Bà R có ký tên vào nhiều biên nhận vay 11,5 chỉ vàng 24k của ông Ngọc và 2.500.000 đồng. Bà R có nhận số vàng và tiền như trên nhưng án sơ thẩm chưa làm rõ trách nhiệm của bà R trong

vụ án. Do đó, cần xác định trách nhiệm trả nợ của bà R đối với khoản nợ của ông L1.

[5] Tại cấp sơ thẩm, bà Lê Thị N1 cho rằng việc bà N1 nhận cổ đất đã chuyển giao cho ông L1 nên không có liên quan đến vụ án nhưng tại cấp phúc thẩm, bà N1 có cung cấp Tờ giao kèo với nội dung ông Ngọc có thể chấp 01 công đất cho ông Thanh để vay 12 chỉ vàng 24k và yêu cầu người được Tòa án giao đất trả cho bà N1 12 chỉ vàng 24k. Do đó, cần đối chiếu làm rõ xác nhận của bà N1 (BL 97): Bà N1 đã chuyển giao số đất 07 công để lấy số vàng 24 chỉ từ ông L1.

[6] Theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự quy định: Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Toàn bộ di sản của ông Ngọc để lại là phần đất có diện tích 21.780m² đã được ông Ngọc thế chấp cho Ngân hàng để vay vốn nên khoản nợ của Ngân hàng là khoản nợ có bảo đảm. Do đó, cần phải xác định giá trị phần đất trừ khoản nợ của Ngân hàng; giá trị di sản còn lại mới thanh toán cho ông L1 và các chủ nợ khác (nếu có).

[7] Tại Công văn số 61/NHNoTVT-TH ngày 24/02/2022, Ngân hàng yêu cầu Tòa án xem xét theo hướng người vay có trách nhiệm trả hết nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm không làm việc với Ngân hàng để Ngân hàng thực hiện thủ tục khởi kiện theo luật định. Ngoài ra, ông Ngọc là người vay tiền Ngân hàng, ông Ngọc đã chết nên cần phải giải quyết khoản vay Ngân hàng trong vụ án này mới đảm bảo giải quyết toàn diện vụ án và đảm bảo việc thi hành án thực thi trong thực tiễn.

[8] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 231/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do hủy án sơ thẩm nên không xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị D3 và ông Nguyễn Văn D1.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Được xử lý khi giải quyết lại vụ án.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị D3 , ông Nguyễn Văn D1 không phải chịu. Bà D3 và ông D1 có dự nộp được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 231/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và chuyển hồ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Được xử lý khi giải quyết lại vụ án.

Án dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị D3 , ông Nguyễn Văn D1 không phải chịu. Ngày 07/10/2022, ông Nguyễn Văn D1 có nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005456 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại. Ngày 12 tháng 10 năm 2022, bà Nguyễn Thị D3 có nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005510 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung